

Bản án số: 109/2020/DS-PT

Ngày 28 – 8 – 2020

V/v yêu cầu thực hiện nghĩa vụ

Dân sự trả tiền.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Hữu Nhân

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Châu Thạch

Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phước Minh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2019/TLPT-DS ngày 22 tháng 02 năm 2019 về việc: “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ dân sự trả tiền*”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 02/2019/DS-ST ngày 08/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2019/QĐ-PT ngày 04/3/2019; Thông báo về việc mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số: 183/TB-TA ngày 03/4/2019; Thông báo về việc mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số: 174/TB-TA ngày 09/4/2019; Thông báo về việc mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số: 222/TB-TA ngày 16/4/2019; Thông báo về việc mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số: 611/TB-TA ngày 16/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vi Thị Thu Thúy, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Số 19/6 thôn An Hiệp, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Vợ chồng ông Hoàng Thái Ân, sinh năm: 1976.

Bà Phan Thị Thu, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Số 16/1 Nguyễn Thị Định, Phường 5, thành phố Đà Lạt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Thu: Ông Hoàng Thái Ân, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Số 16/1 Nguyễn Thị Định, Phường 5, thành phố Đà Lạt.

(Văn bản ủy quyền lập ngày 23/10/2018).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Phương Đại Nghĩa là luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Phương Đại Nghĩa (địa chỉ: Số A11 Trần Lê (mặt sau), Phường 4, thành phố Đà Lạt) thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Hoàng Thị Kim Tuyền, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Số 77 đường Đông Tĩnh, Phường 8, thành phố Đà Lạt.

Địa chỉ liên hệ: Lô 184, khu quy hoạch dân cư Phan Đình Phùng – Hai Bà Trưng, Phường 2, thành phố Đà Lạt.

- Người kháng cáo: Bà Vi Thị Thu Thúy -Nguyên đơn; vợ chồng bà Phan Thị Thu, ông Hoàng Thái Ân – Bị đơn; bà Hoàng Thị Kim Tuyền – Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

(Bà Thúy, ông Ân, bà Tuyền, Luật sư Nghĩa có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2018 và lời trình bày của nguyên đơn bà Vi Thị Thu Thúy thì:

Từ năm 2015, giữa bà Thúy và vợ chồng bà Phan Thị Thu và ông Hoàng Thái Ân có quan hệ mua bán, làm ăn với nhau. Vợ chồng bà Thu, ông Ân có cơ sở giết mổ lợn tại thành phố Đà Lạt nên bà là người giới thiệu cho vợ chồng bà Thu, ông Ân đi mua lợn của các hộ dân tại huyện Đức Trọng. Khi được giới thiệu thì vợ chồng bà Thu, ông Ân trực tiếp đến các hộ dân để bắt lợn về giết mổ còn bà là người đứng ra chịu trách nhiệm trả tiền cho các hộ dân và hưởng hoa hồng. Quá trình làm ăn với nhau trong thời gian dài có khoản vợ chồng bà Thu, ông Ân trả cho bà và cũng có khoản vợ chồng bà Thu, ông Ân còn nợ lại, và hai bên tiến hành quyết toán cụ thể như sau:

Ngày 23/3/2017, bà Thu có xác nhận nợ là 3.391.191.000đ (có chữ ký xác nhận của bà Thu trong sổ sách). Ngày 07/6/2017, hai vợ chồng bà Thu, ông Ân có xác nhận nợ với bà số tiền 2.706.847.000 đồng (có chữ ký xác nhận của hai vợ chồng).

Tuy nhiên, đến ngày 07/7/2016 vợ chồng bà Thu, ông Ân không trả nợ nên bà đã yêu cầu vợ chồng bà Thu, ông Ân viết giấy nhận nợ với số tiền 3.381.190.000 đồng. Nay bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Thu, ông Ân phải

trả số tiền nợ trong việc mua bán lợn do vợ chồng bà Thu, ông Ân đã xác nhận là 6.088.017.000 đồng và lãi suất theo quy định. Sau khi xác nhận nợ bà Thu, ông Ân đã gửi trả cho bà 300.000.000 đồng.

Theo lời trình bày của bị đơn ông Hoàng Thái Ân đồng thời là người là đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Phan Thị Thu thì:

Vợ chồng ông có làm ăn, mua bán lợn theo như bà Thúy đã trình bày là đúng. Về việc bà Thúy yêu cầu vợ chồng ông trả 6.088.017.000 đồng và lãi suất theo quy định thì ông không đồng ý vì lần cuối cùng chốt nợ là ngày 07/6/2017 với số tiền 3.381.190.000 đồng, số tiền này được chốt và xác nhận trong giấy mượn tiền ngày 07/6/2017.

Đối với 02 lần chốt nợ trong sổ ghi nợ mua lợn ghi hai lần vào ngày 23/3/2017 với số tiền 3.381.190.000 đồng và ngày 07/6/2018 là 2.706.847.000 đồng thực chất quá trình buôn bán với nhau đã chốt lại lần cuối cùng theo giấy mượn tiền ngày 07/6/2017 với số tiền 3.381.190.000 đồng, sau khi chốt nợ cũng đã nhờ người chuyển trả được cho bà Thúy 300.000.000 đồng, số tiền này không ghi giấy tờ gì và trong quá trình chốt nợ thì không có thỏa thuận về lãi suất nên vợ chồng tôi không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của bà Thúy.

Do đó, vợ chồng ông chỉ đồng ý trả cho bà Thúy số tiền 3.081.190.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 07/6/2017.

Theo lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Kim Tuyến thì:

Bà là em ruột của ông Hoàng Thái Ân, do biết vợ chồng bà Thu, ông Ân có ý định chuyển nhượng nhà đất tại lô 184 Khu quy hoạch dân cư Phan Đình Phùng - Hai Bà Trưng nên bà đã đặt vấn đề mua lại căn nhà này của vợ chồng ông Ân.

Ngày 01/9/2018, bà đã đặt cọc cho vợ chồng ông Ân số tiền 1.800.000.000 đồng và thỏa thuận trong 30 ngày sẽ ký hợp đồng chính thức và giao đủ số tiền chuyển nhượng là 3.700.000.000 đồng. Trên thực tế thì giữa bà và vợ chồng ông Ân thỏa thuận chuyển nhượng với giá 5.500.000.000 đồng nhưng để giảm nghĩa vụ thuế nên khi ký hợp đồng chỉ ghi 1.000.000.000 đồng.

Đến ngày 01/10/2018, bà và vợ chồng ông Ân đã ký hợp đồng chuyển nhượng tại Văn phòng công chứng Trương Anh và bà đã giao đủ số tiền 3.700.000.000 đồng, đồng thời bàn giao tài sản cho bà quản lý.

Ngày 02/10/2018, bà đã nộp các giấy tờ để làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại bộ phận một cửa Ủy ban nhân dân thành phố Đà Lạt.

Đến ngày 19/10/2018, bà liên hệ nhận kết quả thì được biết tài sản đã bị phong tỏa nên bà chưa được nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà không có ý kiến gì. Về việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà và vợ chồng ông Ân là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp, hai bên đã hoàn tất việc mua bán bà đã giao đủ tiền và đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật. Do đó, bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án nhanh chóng để hủy bỏ việc phong tỏa để bà tiếp tục thực hiện các thủ tục hành chính sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu. Yêu cầu bị đơn trả số tiền 5.788.037.000 đồng, yêu cầu tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 12/2018/QĐ-APKCTT ngày 08/10/2018 và yêu cầu hủy Quyết định số: 30/TA-GQKN ngày 29/10/2018.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 08/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vi Thị Thu Thúy kiện vợ chồng bà Phan Thị Thu và ông Hoàng Thái Ân tranh chấp “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ”.

- Buộc vợ chồng bà Phan Thị Thu và ông Hoàng Thái Ân có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Vi Thị Thu Thúy số tiền 5.788.037.000đ (*Năm tỷ bảy trăm tám mươi tám triệu không trăm ba mươi bảy ngàn đồng*)

- Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 12/2018/QĐ-APKCTT ngày 08/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án của bị đơn bà Phan Thị Thu và ông Hoàng Thái Ân đối với nguyên đơn Vi Thị Thu Thúy trong vụ án này.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 21/01/2019, nguyên đơn bà Vi Thị Thu Thúy có đơn kháng cáo một phần Bản án Dân sự sơ thẩm số: 02/2019/DS-ST ngày 08/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà là tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 12/2018/QĐ-BPKCTT ngày 08/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt. Vợ chồng ông Ân, bà Thu phải có trách nhiệm ưu tiên thanh toán số tiền 5.788.037.000 đồng bằng tài sản đảm bảo nghĩa vụ là nhà và đất tại lô 184 Khu quy hoạch Phan Đình Phùng – Hai Bà Trưng, phường 2, thành phố Đà Lạt.

Ngày 22/01/2019, bị đơn vợ chồng bà Phan Thị Thu, ông Hoàng Thái Ân kháng cáo toàn bộ Bản án Dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 08/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt.

Ngày 22/01/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Kim Tuyến kháng cáo một phần Bản án Dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 08/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt. Yêu cầu Tòa án cấp phúc

thẩm hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2018/QĐ-BPKCTT ngày 08/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn bà Vi Thị Thu Thúy vẫn giữ nguyên kháng cáo và không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bị đơn ông Hoàng Thái Ân vẫn giữ nguyên kháng cáo và chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Như Tuyền vẫn giữ nguyên kháng cáo và chấp nhận kháng cáo của bị đơn, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nhận định: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là đúng pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Vi Thị Thu Thúy; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn vợ chồng bà Phan Thị Thu, ông Hoàng Thái Ân; không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Kim Tuyền, sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số: 02/2019/DS-ST ngày 08/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xuất phát từ việc nguyên đơn bà Vi Thị Thu Thúy cho rằng giữa bà với vợ chồng bà Phan Thị Thu, ông Hoàng Thái Ân có mối quan hệ làm ăn với nhau về việc thu mua lợn, tính đến nay vợ chồng bà Thu, ông Ân còn nợ bà tổng số tiền 5.788.037.000 đồng nên bà yêu cầu vợ chồng bà Thu, ông Ân có nghĩa vụ thanh toán cho bà số tiền trên.

Bị đơn vợ chồng bà Thu, ông Ân thừa nhận có mối quan hệ làm ăn thu mua lợn như bà Thúy trình bày nhưng hiện nay vợ chồng ông bà chỉ còn nợ bà Thúy số tiền 3.081.190.000 đồng nên các bên có tranh chấp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là: “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ dân sự trả tiền*” là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Vi Thị Thu Thúy; bị đơn vợ chồng bà Phan Thị Thu, ông Hoàng Thái Ân; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Kim Tuyền thì thấy rằng:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp như giấy mượn tiền, các sổ theo dõi nợ thì năm 2015 giữa bà Thúy và vợ chồng bà Thu, ông Ân có mối quan hệ mua bán, làm ăn với nhau về việc thu mua lợn là có trên thực tế và được các bên đương sự thừa nhận.

Trong quá trình mua bán, làm ăn với nhau thì ngày 23/3/2017 bà Thu có xác nhận nợ tiền lợn bắt năm 2016 của bà Thúy với số tiền là 3.381.190.000đ (BL 14 sổ nợ quyền 01), giấy xác nhận trên chỉ có một mình bà Thu ký xác nhận nên ngày 07/6/2017 vợ chồng bà Thu, ông Ân xác nhận lại số nợ trên bằng việc lập “Giấy mượn tiền” với số tiền 3.381.190.000 đồng, Giấy mượn tiền trên được bà Thu, ông Ân ký xác nhận (BL 82). Ngày 07/6/2017, vợ chồng bà Thu, ông Ân ký xác nhận nợ bà Thúy thêm số tiền 2.706.847.000 đồng (BL 18 sổ nợ quyền 01).

[3] Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà Thúy cho rằng: Do giấy chốt nợ ngày 23/3/2017 với số tiền 3.381.190.000 đồng chỉ có một mình bà Thu ký xác nhận nên bà Thúy đã yêu cầu vợ chồng ông Ân, bà Thu xác nhận lại số tiền này theo giấy mượn tiền ngày 07/6/2017; còn số tiền 2.706.847.000 đồng ngày 07/6/2017 là chốt số tiền hàng còn thiếu sau ngày 23/3/2017; bà Thu và ông Ân ký xác nhận số tiền 3.381.190.000 đồng và 2.706.847.000 đồng diễn ra trong cùng ngày 07/6/2017, số tiền nợ 3.381.190.000 đồng chốt sổ ngày 23/3/2017 trùng khớp với số tiền xác nhận nợ 3.381.190.000 đồng theo giấy xác nhận 07/6/2017 nên lời khai của bà Thúy là có cơ sở.

[3.1] Trong khi đó, vợ chồng bà Thu, ông Ân cũng không có chứng cứ chứng minh các bên chốt nợ lần cuối cùng là ngày 7/6/2017 với số tiền 3.381.190.000 đồng. Đồng thời, vợ chồng ông Ân, bà Thu cũng không lý giải được số tiền nào cộng với số tiền 2.706.847.000 đồng thành số tiền 3.381.190.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 07/6/2017. Hơn nữa, giấy mượn tiền ngày 07/6/2017 cũng không thể hiện nội dung ngoài số tiền 3.381.190.000đ này ra thì vợ chồng bà Thu, ông Ân không còn nợ bà Thúy số tiền nào khác.

Mặt khác, nếu có việc các bên chốt nợ bằng giấy giấy mượn tiền ngày 07/6/2017 với số tiền 3.381.190.000 đồng thì giấy nhận nợ số tiền 2.706.847.000 đồng ngày 07/6/2017 phải được hủy bỏ hoặc được vợ chồng bà Thu, ông Ân thu hồi nhưng trong trường hợp này giấy nợ trên vẫn được bà Thúy cất giữ làm căn cứ khởi kiện. Do đó, lời trình bày của vợ chồng bà Thu, ông Ân là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Sau khi chốt nợ vợ chồng bà Thu, ông Ân đã thanh toán cho bà Thúy được số tiền 300.000.000 đồng, mặc dù vợ chồng bà Thu, ông Ân không có chứng cứ chứng minh đã thanh toán số tiền này nhưng bà Thúy cũng đã thừa nhận và đồng ý căn trừ vào tổng số tiền nợ 6.088.037.000 đồng và yêu cầu vợ chồng bà Thúy, ông Ân tiếp tục thanh toán số tiền còn lại là 5.788.037.000đ (6.088.037.000 đồng – 300.000.000 đồng) và được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Thúy và ông Ân đều thừa nhận sau ngày chốt nợ 07/6/2017 thì hai bên vẫn tiếp tục làm ăn với nhau và vợ chồng bà Thu, ông Ân vẫn bắt lợn của bà Thúy. Bà Thúy chốt nợ đến ngày 31/10/2017 vợ chồng ông Ân, bà Thu còn nợ số tiền 526.996.000 đồng nhưng bà Thúy cho rằng đây là khoản nợ phát sinh sau ngày 07/6/2017 nhưng vợ chồng bà Thu, ông Ân không

ký xác nhận nên bà chưa có căn cứ khởi kiện khoản tiền này, nên việc luật sư Nghĩa là người bảo vệ quyền lợi cho bị đơn trình bày số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn chỉ là 526.996.000 đồng là mâu thuẫn với số tiền theo ý kiến thừa nhận của bị đơn là 3.081.190.000 đồng.

[5] Về Quyết định áp dụng khẩn cấp tạm thời số: 12/2018 /QĐ-APKCTT ngày 08/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt thì thấy rằng:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 139 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì: *“Quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời có hiệu lực thi hành ngay”*.

Theo quy định tại Điều 140 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì: *“Đương sự có quyền khiếu nại, Viện kiểm sát có quyền kiến nghị với Chánh án Tòa án đang giải quyết vụ án về quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc việc Thẩm phán không quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời. Thời hạn khiếu nại, kiến nghị là 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc trả lời của Thẩm phán về việc không ra quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời”*.

[6] Với quy định trên thì Quyết định áp dụng Biện pháp khẩn cấp tạm thời không phải là đối tượng của việc kháng cáo, kháng nghị mà các đương sự chỉ có quyền khiếu nại, Viện kiểm sát có quyền kiến nghị với Chánh án Tòa án đang giải quyết về việc quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc việc thẩm phán không quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, các đương sự đã thực hiện việc khiếu nại quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 12/2018/QĐ-APKCTT ngày 08/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt theo quy định của pháp luật và đã được Chánh án Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt giải quyết tại Quyết định giải quyết khiếu nại số: 30/TA-GQKN ngày 29/10/2018.

[7] Theo quy định tại khoản 2 Điều 141 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì: *“Quyết định giải quyết khiếu nại, kiến nghị của Chánh án là quyết định cuối cùng và phải được cấp hoặc gửi ngay theo quy định tại Khoản 2 Điều 139 của Bộ luật này”*.

Như vậy, với quy định trên thì bị đơn vợ chồng bà Phan Thị Thu, ông Hoàng Thái Ân; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Kim Tuyền không được quyền kháng cáo mà chỉ được quyền khiếu nại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 12/2018/QĐ-APKCTT ngày 08/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, và việc khiếu nại quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trên đã được Chánh án Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt giải quyết theo thẩm quyền, nên kháng cáo yêu cầu hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của vợ chồng bà Thu, ông Ân và bà Tuyền là không đúng pháp luật nên không có căn cứ xem xét và Bản án sơ thẩm tuyên tiếp tục duy trì

Quyết định áp dụng Biện pháp khẩn cấp tạm thời cũng là không đúng nên Tòa án cấp phúc thẩm cần sửa lại phần này là có căn cứ.

[8] Đối với việc bà Thúy kháng cáo yêu cầu được ưu tiên thanh toán bằng tài sản đảm bảo nghĩa vụ là nhà đất tại lô 184 khu quy hoạch Phan Đình Phùng – Hai Bà Trưng, Phường 2, thành phố Đà Lạt thì sẽ được xem xét giải quyết tại giai đoạn thi hành án theo quy định tại Điều 47 Luật thi hành án dân sự.

[9] Đối với quan hệ mua bán nhà và chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng bà Thu, ông Ân với bà Tuyền do không có tranh chấp nên cần xác định đây là việc dân sự. Do đó, bà Tuyền có quyền yêu cầu giải quyết việc dân sự theo quy định tại Điều 27 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và có quyền yêu cầu xem xét tính hợp pháp của Quyết định áp dụng khẩn cấp tạm thời số: 12/2018/QĐ-APKCTT ngày 08/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt theo quy định của pháp luật.

Với phân tích trên, Tòa án cấp phúc thẩm cần bác toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn bà Vi Thị Thu Thúy; bị đơn vợ chồng bà Phan Thị Thu, ông Hoàng Thái Ân; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Như Tuyền để sửa bản án sơ thẩm theo hướng nhận định trên là có căn cứ.

[10] Về án phí: Do kháng cáo của các đương sự không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308 - Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2014/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Vi Thị Thu Thúy; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn vợ chồng bà Phan Thị Thu, ông Hoàng Thái Ân; không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Như Tuyền, sửa bản án sơ thẩm. Xử

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vi Thị Thu Thúy đối với vợ chồng bà Phan Thị Thu và ông Hoàng Thái Ân tranh chấp “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ dân sự trả tiền”.

- Buộc vợ chồng bà Phan Thị Thu và ông Hoàng Thái Ân có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Vi Thị Thu Thúy số tiền 5.788.037.000 đồng (*Năm tỷ bảy trăm tám mươi tám triệu không trăm ba mươi bảy ngàn đồng*).

- Lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

2- Về án phí sơ thẩm:

- Buộc vợ chồng bà Phan Thị Thu và ông Hoàng Thái Ân phải chịu số tiền 113.788.037 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Vi Thị Thu Thúy số tiền 57.044.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0008577 ngày 12/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt.

3- Về án phí phúc thẩm:

- Buộc bà Vi Thị Thu Thúy phải chịu 300.000đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0011819 ngày 21/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt.

- Buộc ông Hoàng Thái Ân, bà Phan Thị Thu phải chịu 300.000đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0011842 ngày 01/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt.

- Buộc bà Hoàng Thị Kim Tuyền phải chịu 300.000đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0011839 ngày 24/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự”.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND Tp. Đà Lạt;
- CCTHADS Tp. Đà Lạt;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Hữu Nhân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Châu Thạch - Nguyễn Văn Thanh

Bùi Hữu Nhân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Châu Thạch - Nguyễn Văn Thanh

Bùi Hữu Nhân

Nơi nhận

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND Tp. Đà Lạt;
- CCTHADS Tp. Đà Lạt;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Hữu Nhân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Châu Thạch - Lê Thị Vân

Đỗ Mạnh Hùng

